

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Nhiệm kỳ mới từ ngày 28/05/2022
Ông Tô Giang Nam	Thành viên	Nhiệm kỳ mới từ ngày 28/05/2022
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên độc lập HĐQT	Nhiệm kỳ mới từ ngày 28/05/2022
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 28/05/2022
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 28/05/2022

#### **Ủy Ban kiểm toán**

Ông Nguyễn Việt Hoàng	Chủ tịch	Bỏ nhiệm từ ngày 31/05/2022
Ông Tô Giang Nam	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 31/05/2022

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Đặng Tiếp	Trưởng Ban	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 28/05/2022
Ông Trần Hồng Quỳnh	Thành viên	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 28/05/2022
Ông Vũ Văn Đôn	Thành viên	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 28/05/2022

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Lê Anh Tuấn	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo kiểm toán kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo,



**Nguyễn Anh Tuấn**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương I  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo  
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương I

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Đơn vị kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 29/03/2022.



Nguyễn Minh Long  
Phó Tổng giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Minh Thắng  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.954.340.154</b>	<b>24.333.232.835</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>38.870.657</b>	<b>329.111.326</b>
Tiền	111		38.870.657	329.111.326
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.782.913.003</b>	<b>23.862.140.830</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.593.580.319	1.795.757.133
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	720.604.252	679.354.252
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	32.168.180.426	27.290.187.280
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.699.451.994)	(5.903.157.835)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>132.556.494</b>	<b>141.980.679</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		132.556.494	141.980.679
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.171.618.392</b>	<b>69.798.536.934</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.621.948.409</b>	<b>14.793.129.132</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	9.621.948.409	14.793.129.132
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.549.669.983</b>	<b>5.028.032.189</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.549.669.983	5.028.032.189
- Nguyên giá	222		14.659.297.155	14.659.297.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.109.627.172)	(9.631.264.966)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		59.500.000	59.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.500.000)	(59.500.000)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>49.977.375.613</b>
Đầu tư vào công ty con	251		50.000.000.000	49.977.375.613
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		866.640.000	866.640.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(866.640.000)	(866.640.000)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>93.125.958.546</b>	<b>94.131.769.769</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21.695.062.927</b>	<b>28.296.129.050</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.096.062.927</b>	<b>27.697.129.050</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	11.588.112.416	18.226.541.976
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	23.055.159	44.987.923
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.956.508.021	1.965.924.030
Phải trả người lao động	314		1.176.128.018	1.176.612.785
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.801.467.923	1.691.988.420
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	4.550.256.791	4.590.539.317
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		534.599	534.599
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>599.000.000</b>	<b>599.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	599.000.000	599.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71.430.895.619</b>	<b>65.835.640.719</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>71.430.895.619</b>	<b>65.835.640.719</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.499.690.000	142.499.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.499.690.000	142.499.690.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	115.119.984.904
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu quỹ	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		304.406.186	304.406.186
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(71.652.033.319)	(192.367.273.123)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(77.247.288.219)	(200.324.718.467)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.595.254.900	7.957.445.344
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>93.125.958.546</b>	<b>94.131.769.769</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	4.578.181.192	3.763.420.865
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.578.181.192	3.763.420.865
Giá vốn hàng bán	11	20	192.691.188	192.691.187
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.385.490.004	3.570.729.678
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.249.394.853	3.075.980.366
Chi phí tài chính	22	22	64.012.076	51.977.833
Chi phí bán hàng	25	25	157.450.250	191.041.181
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.400.389.006	(880.277.522)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.013.033.525	7.283.968.552
Thu nhập khác	31	23	2.593.091.409	846.503.757
Chi phí khác	32	24	1.010.870.034	173.026.965
Lợi nhuận khác	40		1.582.221.375	673.476.792
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.595.254.900	7.957.445.344
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.595.254.900	7.957.445.344

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
*Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>5.595.254.900</b>	<b>7.957.445.344</b>
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		478.362.206	560.235.119
Các khoản dự phòng	03		(203.705.841)	(3.085.312.605)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		64.012.076	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(2.249.394.853)	(3.004.509.824)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.684.528.488</b>	<b>2.427.858.034</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.712.752.710	7.638.284.521
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.665.508.416)	(8.504.367.492)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.296.210.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(268.227.218)</b>	<b>265.565.063</b>
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(22.624.387)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		180.719	2.510.370
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(22.443.668)</b>	<b>2.510.370</b>
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	50.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(50.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(290.670.886)</b>	<b>268.075.433</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>329.111.326</b>	<b>61.035.893</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		430.217	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>38.870.657</b>	<b>329.111.326</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 12 ngày 04/06/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100102326 thay đổi lần thứ 13 ngày 27/10/2022 là 142.499.690.000 đồng (*Một trăm bốn mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đến ngày 31/12/2022 là 142.499.690.000 đồng (*Một trăm bốn mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 05 người (tại ngày 31/12/2021 là 05 người).

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin và cho thuê thuê địa điểm kinh doanh.

#### 1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chỉ sở hữu trực tiếp 1 công ty con là Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1 có trụ sở chính tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc tại Đà Nẵng và Hồ Chí Minh. Tại ngày 31/12/2022, đơn vị trực thuộc tại Đà Nẵng đang hoàn tất thủ tục đóng mã số thuế.

#### 1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### **2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính của Công ty được từ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (Công ty mẹ) và Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1 (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Nhóm Công ty các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### **3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.4 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính :

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

#### 3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

#### 3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (iv) Quyền bỏ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **3.8 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

#### 3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

#### 3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí bán hàng phải trả cán bộ công nhân viên và các khoản trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

#### 3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Trong năm 2022, Công ty nhận được lợi nhuận từ Công ty con – Công ty TNHH Thuốc Thú Y Trung Ương 1 chuyển về.

#### **3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá...

#### **3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

##### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

*Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.17 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	5.509.487	158.583.631
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.361.170	170.527.695
<b>Cộng</b>	<b>38.870.657</b>	<b>329.111.326</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	50.000.000.000	-	(*)	49.977.375.613	-	(*)
+ Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	50.000.000.000	-	(*)	49.977.375.613	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác	866.640.000	(866.640.000)	(*)	866.640.000	(866.640.000)	(*)
+ Công ty Cổ phần giống gia cầm Lương Mỹ	866.640.000	(866.640.000)	(*)	866.640.000	(866.640.000)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>50.866.640.000</b>	<b>(866.640.000)</b>	<b>(*)</b>	<b>50.844.015.613</b>	<b>(866.640.000)</b>	<b>(*)</b>

**Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con**

- Hoạt động chính của Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 là sản xuất, kinh doanh thuốc thú y.
- Trong năm 2022, Công ty phát sinh chuyển vốn 22.624.387 đồng cho Công ty con là Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1.

(\*) Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>1.593.580.319</b>	<b>(1.513.702.150)</b>	<b>1.795.757.133</b>	<b>(1.715.862.633)</b>
- Công ty CP giống Vật nuôi & Cây trồng Đồng Giao	79.818.093	(79.818.093)	79.818.093	(79.818.093)
- Các đối tượng khác	1.513.762.226	(1.433.884.057)	1.715.939.040	(1.636.044.540)
b) <b>Dài hạn</b>	<b>9.621.948.409</b>	-	<b>14.793.129.132</b>	-
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW I	9.621.948.409	-	14.793.129.132	-
<b>Cộng</b>	<b>11.215.528.728</b>	<b>(1.513.702.150)</b>	<b>16.588.886.265</b>	<b>(1.715.862.633)</b>

Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 29.1.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>720.604.252</b>	<b>(679.354.252)</b>	<b>679.354.252</b>	<b>(679.354.252)</b>
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	(549.354.252)	549.354.252	(549.354.252)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	(130.000.000)	130.000.000	(130.000.000)
- Các đối tượng khác	41.250.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>720.604.252</b>	<b>(679.354.252)</b>	<b>679.354.252</b>	<b>(679.354.252)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>32.168.180.426</b>	<b>(3.506.395.592)</b>	<b>27.290.187.280</b>	<b>(3.507.940.950)</b>
- Tạm ứng	324.692.640	(324.692.640)	326.237.998	(326.237.998)
- Phải thu khác	31.843.487.786	(3.181.702.952)	26.963.949.282	(3.181.702.952)
+ Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	25.694.080.756	-	23.144.866.622	-
+ Lê Hữu Tuấn	637.379.708	-	637.379.708	-
+ Nguyễn Huy Đức	629.034.000	(629.034.000)	629.034.000	(629.034.000)
+ Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	(912.020.000)	912.020.000	(912.020.000)
+ Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine Co, LTD	2.330.324.370	-	-	-
+ Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
+ Các đối tượng khác	1.168.648.952	(1.168.648.952)	1.168.648.952	(1.168.648.952)
<b>Cộng</b>	<b>32.168.180.426</b>	<b>(3.506.395.592)</b>	<b>27.290.187.280</b>	<b>(3.507.940.950)</b>

Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 29.1.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2022				01/01/2022			
	Giá gốc		Giá trị có thẻ thu hồi		Dự phòng		Giá trị có thẻ thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>								
Phải thu khách hàng	1.513.702.150	-	1.513.702.150	1.715.862.633	-	1.715.862.633	-	1.715.862.633
+ <i>Trần Văn Diệp</i>	65.276.477	-	65.276.477	65.276.477	-	65.276.477	-	65.276.477
+ <i>Nguyễn Văn Thiên</i>	29.920.213	-	29.920.213	29.920.213	-	29.920.213	-	29.920.213
+ <i>Đại lý Nguyễn Quang</i>	-	-	-	73.912.501	-	73.912.501	-	73.912.501
+ <i>Nguyễn Ngọc Cường</i>	-	-	-	32.546.627	-	32.546.627	-	32.546.627
+ <i>Các đối tượng khác</i>	1.418.505.460	-	1.418.505.460	1.514.206.815	-	1.514.206.815	-	1.514.206.815
Trả trước cho người bán	679.354.252	-	679.354.252	679.354.252	-	679.354.252	-	679.354.252
+ Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	549.354.252	549.354.252	-	549.354.252	-	549.354.252
+ Công ty CP Dầu tư Xây dựng và <i>Thương mại Ao Sen</i>	130.000.000	-	130.000.000	130.000.000	-	130.000.000	-	130.000.000
Tạm ứng	324.692.640	-	324.692.640	326.237.998	-	326.237.998	-	326.237.998
+ <i>Các đối tượng khác</i>	324.692.640	-	324.692.640	326.237.998	-	326.237.998	-	326.237.998
Phải thu khác	3.181.702.952	-	3.181.702.952	3.181.702.952	-	3.181.702.952	-	3.181.702.952
+ <i>Nguyễn Huy Đức</i>	629.034.000	-	629.034.000	629.034.000	-	629.034.000	-	629.034.000
+ <i>Đỗ Hoàng Hòa</i>	912.020.000	-	912.020.000	912.020.000	-	912.020.000	-	912.020.000
+ <i>Lê Đức Hùng</i>	472.000.000	-	472.000.000	472.000.000	-	472.000.000	-	472.000.000
+ <i>Các đối tượng khác</i>	1.168.648.952	-	1.168.648.952	1.168.648.952	-	1.168.648.952	-	1.168.648.952
<b>Cộng</b>	<b>5.699.451.994</b>	<b>-</b>	<b>5.699.451.994</b>	<b>5.903.157.835</b>	<b>-</b>	<b>5.903.157.835</b>	<b>-</b>	<b>5.903.157.835</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2022	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
31/12/2022	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2022	(4.201.030.906)	(2.560.166.960)	(2.114.385.277)	(755.681.823)	(9.631.264.966)
- Khấu hao trong năm	(304.116.912)	(47.142.830)	(110.307.420)	(16.795.044)	(478.362.206)
31/12/2022	(4.505.147.818)	(2.607.309.790)	(2.224.692.697)	(772.476.867)	(10.109.627.172)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2022	4.661.678.395	99.523.730	149.264.803	117.565.261	5.028.032.189
31/12/2022	4.357.561.483	52.380.900	38.957.383	100.770.217	4.549.669.983

- Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 5.901.608.599 VND (tại ngày 01/01/2022 là 6.079.042.429 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy vi tính <u>VND</u></b>	<b>Cộng <u>VND</u></b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2022	59.500.000	59.500.000
31/12/2022	<b>59.500.000</b>	<b>59.500.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2022	(59.500.000)	(59.500.000)
31/12/2022	<b>(59.500.000)</b>	<b>(59.500.000)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2022	-	-
31/12/2022	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 59.500.000 VND (tại ngày 01/01/2022 là 59.500.000 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.588.112.416</b>	<b>2.514.050.816</b>	<b>18.226.541.976</b>	<b>7.670.504.266</b>
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại Thái Sơn	2.154.287.641	-	2.154.287.641	-
- Công ty CP Thành Nhơn	1.229.827.064	-	1.829.827.064	-
- Công ty TNHH Công trình Thiết kế Nam Ninh Công nghiệp nhẹ Trung Quốc	1.854.766.353	-	1.790.324.060	-
- Công ty TNHH thuốc thú y TW1	2.499.323.543	2.499.323.543	7.670.504.266	7.670.504.266
- Các đối tượng khác	3.849.907.815	14.727.273	4.781.598.945	-
<b>Cộng</b>	<b>11.588.112.416</b>	<b>2.514.050.816</b>	<b>18.226.541.976</b>	<b>7.670.504.266</b>

Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 29.1.

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>23.055.159</b>	<b>-</b>	<b>44.987.923</b>	<b>-</b>
- Trung tâm nghiên cứu và phát triển Chăn nuôi heo Bình Thẳng	14.962.500	-	14.962.500	-
- Các đối tượng khác	8.092.659	-	30.025.423	-
<b>Cộng</b>	<b>23.055.159</b>	<b>-</b>	<b>44.987.923</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	314.456.444	428.795.021	426.477.187	316.774.278				
- Thuế thu nhập cá nhân	1.570.345.288	32.176.760	740.414.585	862.107.463				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	647.942.093	647.942.093	-				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	81.122.298	724.870.488	28.366.506	777.626.280				
<b>Cộng</b>	<b>1.965.924.030</b>	<b>1.833.784.362</b>	<b>1.843.200.371</b>	<b>1.956.508.021</b>				

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.801.467.923	1.691.988.420	1.691.988.420	
- Các khoản trích trước khác	1.715.406.500	1.666.406.500	1.666.406.500	
	86.061.423	25.581.920	25.581.920	
<b>Cộng</b>	<b>1.801.467.923</b>	<b>1.691.988.420</b>	<b>1.691.988.420</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính )

**16. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.550.256.791</b>	<b>42.652.883</b>	<b>4.590.539.317</b>	<b>65.935.409</b>
- Kinh phí công đoàn	42.652.883	42.652.883	45.632.883	45.632.883
- Bảo hiểm xã hội	-	-	15.533.203	15.533.203
- Bảo hiểm y tế	-	-	3.004.192	3.004.192
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	1.765.131	1.765.131
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.507.603.908	-	4.524.603.908	-
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	3.746.918.648	-	3.665.577.978	-
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	-	390.212.000	-
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	700.000.000	-	700.000.000	-
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	-	136.723.837	-
+ Ông Lê Đức Liên	1.370.604.981	-	1.370.604.981	-
+ Các đối tượng khác	1.149.377.830	-	1.068.037.160	-
Chi nhánh Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I tại Đà Nẵng	-	-	91.340.670	-
+ Chi cục chăn nuôi và thú y Quảng Nam	-	-	81.000.000	-
+ Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh Đà Nẵng	-	-	10.340.670	-
Chi nhánh Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I tại TP HCM	760.685.260	-	767.685.260	-
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà	12.900.000	-	19.900.000	-
+ Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	-	747.785.260	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>599.000.000</b>	<b>-</b>	<b>599.000.000</b>	<b>-</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	599.000.000	-	599.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.149.256.791</b>	<b>42.652.883</b>	<b>5.189.539.317</b>	<b>65.935.409</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2021	82.500.000.000	-	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(200.324.718.467)	(117.241.479.529)						
- Tăng vốn trong năm trước (*)	59.999.690.000	115.119.984.904	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	175.119.674.904
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.957.445.344	-	7.957.445.344
<b>31/12/2021</b>	<b>142.499.690.000</b>	<b>115.119.984.904</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>304.406.186</b>	<b>(192.367.273.123)</b>	<b>65.835.640.719</b>						
01/01/2022	142.499.690.000	115.119.984.904	278.962.752	(130.000)	304.406.186	(192.367.273.123)	65.835.640.719						
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	5.595.254.900						5.595.254.900
- Tăng khác (**)	-	-	-	-	-	-	115.119.984.904						115.119.984.904
- Giảm khác (**)	-	(115.119.984.904)	-	-	-	-	(115.119.984.904)						(115.119.984.904)
<b>31/12/2022</b>	<b>142.499.690.000</b>	<b>-</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>304.406.186</b>	<b>(71.652.033.319)</b>	<b>71.430.895.619</b>						

(\*) Trong năm 2021 Công ty đã thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BT ngày 20/02/2021. Theo đó, vốn điều lệ tăng thêm 59.999.960.000 đồng từ nguồn phát hành cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp 50.000.000.000 đồng và 9.999.960.000 đồng phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ vay cho các cá nhân/tổ chức. Các khoản vay được hoán đổi thành cổ phần theo tỷ lệ 12,5119:1, tương đương 125.119 đồng đổi lấy 1 cổ phiếu có mệnh giá 10.000.

(\*\*) Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thuốc thú y Trung ương I đã thông qua phương án sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xử lý lỗ lũy kế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 21-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
- Ông Lê Chí Cường	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ông Thân Hoài Nhân	4.184.490.000	4.184.490.000
- Các cổ đông khác	81.612.710.000	81.612.710.000
<b>Cộng</b>	<b>142.499.690.000</b>	<b>142.499.690.000</b>

**17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	142.499.690.000	82.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	59.999.690.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	142.499.690.000	142.499.690.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**17.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.249.969	14.249.969
+ Cổ phiếu phổ thông	14.249.969	14.249.969
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ Cổ phiếu phổ thông	13	13
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.249.956	14.249.956
+ Cổ phiếu phổ thông	14.249.956	14.249.956
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.5 CÁC QUỸ**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	304.406.186	304.406.186
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	534.599	-

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	562,57	575,77

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu	4.578.181.192	3.763.420.865
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.578.181.192	3.763.420.865
Cộng	<u>4.578.181.192</u>	<u>3.763.420.865</u>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	192.691.188	192.691.187
Cộng	<u>192.691.188</u>	<u>192.691.187</u>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	180.719	2.510.370
- Lợi nhuận từ Công ty con	2.249.214.134	3.001.999.454
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	71.470.542
Cộng	<u>2.249.394.853</u>	<u>3.075.980.366</u>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	64.012.076	51.977.833
Cộng	<u>64.012.076</u>	<u>51.977.833</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thu nhập từ phí Scocvac năm 2022	2.330.324.370	-
- Thu nhập từ nhập hàng vắc xin	-	521.533.032
- Các khoản khác	262.767.039	324.970.725
<b>Cộng</b>	<b>2.593.091.409</b>	<b>846.503.757</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Các khoản chi phí khác	140.607.303	74.875.117
- Chi phí phạt chậm nộp, phạt thuế	766.262.731	12.951.848
- Thù lao HĐQT	104.000.000	85.200.000
<b>Cộng</b>	<b>1.010.870.034</b>	<b>173.026.965</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2.400.389.006</b>	<b>(880.277.522)</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	694.330.936	687.490.653
- Chi phí đồ dùng văn phòng	45.126.504	31.973.545
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.220.768	176.502.751
- Thuế, phí và lệ phí	650.121.253	463.490.858
- Chi phí dự phòng	-	(3.085.312.605)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.401.231	284.756.788
- Chi phí bằng tiền khác	691.188.314	560.820.488
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>157.450.250</b>	<b>191.041.181</b>
- Chi phí khấu hao TSCĐ	157.450.250	191.041.181
<b>Cộng</b>	<b>2.557.839.256</b>	<b>(689.236.341)</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	45.126.504	31.973.545
- Chi phí nhân công	694.330.936	687.490.653
- Khấu hao tài sản cố định	478.362.206	560.235.119
- Chi phí dự phòng	-	(3.085.312.605)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.401.231	284.756.788
- Chi phí bằng tiền khác	1.341.309.567	1.024.311.346
<b>Cộng</b>	<b>2.750.530.444</b>	<b>(496.545.154)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.595.254.900</b>	<b>7.957.445.344</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>1.010.870.034</b>	<b>147.131.848</b>
- Các khoản chi phí (phạt)	766.262.731	-
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT	104.000.000	93.448.951
- Chi phí không hợp lý khác	140.607.303	53.682.897
<b>Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập</b>	<b>(2.248.783.917)</b>	<b>(3.001.999.454)</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	430.217	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(2.249.214.134)	(3.001.999.454)
<b>Chuyển lỗ các năm trước</b>	<b>(4.357.341.017)</b>	<b>(5.102.577.738)</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

**29. THÔNG TIN KHÁC**

**29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tên	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	Công ty con
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Lê Đức Liên	Giám đốc (đến ngày 31/12/2021)

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Lê Đức Liên	-	14.185.742.326
Hoán đổi vay thành cổ phần	-	9.704.781.676
Thanh toán khoản vay	-	4.480.960.650
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	2.201.029.511	12.112.999.454
Chuyển tiền	300.000.000	2.300.000.000
Thu hồi tiền vay	-	6.811.000.000
Chuyển lãi về Công ty mẹ	1.878.405.124	3.001.999.454
Bổ sung vốn điều lệ	22.624.387	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>9.621.948.409</b>	<b>14.793.129.132</b>
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	9.621.948.409	14.793.129.132
<b>Phải thu khác</b>	<b>25.694.080.756</b>	<b>23.144.866.622</b>
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	25.694.080.756	23.144.866.622
<b>Phải trả người bán</b>	<b>2.499.323.543</b>	<b>7.670.504.266</b>
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	2.499.323.543	7.670.504.266
<b>Phải trả khác</b>	<b>700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	700.000.000	700.000.000

**Thu nhập của các thành viên chủ chốt:**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt	104.000.000	93.448.951
<b>Cộng</b>	<b>104.000.000</b>	<b>93.448.951</b>

Tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	10.000.000	12.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	10.000.000	12.000.000
Ông Tô Giang Nam	Thành viên HĐQT	14.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên HĐQT	14.000.000	-
Ông Đặng Tiếp	Trưởng BKS	10.000.000	18.000.000
Ông Trần Hồng Quỳnh	Thành viên BKS	5.000.000	9.600.000
Ông Vũ Văn Đôn	Thành viên BKS	5.000.000	9.600.000
Ông Lê Đức Liên	Giám đốc	-	8.248.951
<b>Cộng</b>		<b>104.000.000</b>	<b>93.448.951</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**29.2 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn